

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HS-ST
Ngày: 18/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Số 94/7 Quang Trung, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 358/2024/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/HSST-QĐ ngày 04/3/2025.

1. Nguyễn Văn L; sinh năm 1996, tại Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp I, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm hồ; Con Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Huyền T; Có vợ; Tiền sự, tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2024; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn Công M; sinh năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: A tổ B, ấp A xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Bùi Văn K và bà Trần Ngọc T1; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2024; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Tấn L1; sinh năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 1 ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12;

Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị H1; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2024; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Thanh N, sinh năm 1992; Địa chỉ: A Đ, ấp D, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp E, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 26/4/2024, Nguyễn Văn L rủ Nguyễn Tấn L1 đi tìm người có tài sản sở hữu để chiếm đoạt, L1 đồng ý. Lược điều khiển xe máy biển số 59Y3-004.14 chở L1 đến trước nhà số A Đ, ấp D, xã Đ, huyện H thì phát hiện anh Trần Thanh N đang say rượu nằm ngủ trên lề đường bên cạnh có xe máy biển số 77L1-032.73 đang dựng. L kêu L1 xuống xe lấy trộm điện thoại trong túi của anh N nhưng L1 không dám thực hiện nên cả hai bỏ đi. L và L1 bàn bạc với nhau rủ Bùi Văn Công M cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh N. L gọi điện thoại cho M, nói là có người đàn ông say sấn nằm ngủ trên lề đường rủ M cùng L đi lấy xe máy của người này. M đồng ý và đem theo 01 cây đèn pin có kết hợp với chức năng chích điện để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội. L chở L1 đến đón M rồi cả ba quay lại nơi đã phát hiện anh N. Thời điểm này, anh N đang đứng cạnh xe máy biển số 77L1-032.73 và định mở cửa cổng để vào nhà. L dừng xe cách anh N khoảng 02-03 mét cùng với L1 ngồi trên xe cạnh giới, M xuống xe đi bộ đến gần chỗ anh N giả vờ hỏi thăm để anh N không cảnh giác, M cầm đèn pin rọi vào mặt anh N đồng thời bấm chức năng chích điện để phát ra tiếng kêu dí vào người anh N, anh N hoảng sợ lùi về phía sau, M xông đến dùng chân đá và dùng tay xô làm anh N ngã xuống đất. M đi đến cướp xe máy của anh N rồi đến chỗ L và L1 đang chờ, M ngồi lên xe máy vừa cướp của anh N, L điều khiển xe máy biển số 59Y3-004.14, L1 ngồi sau dùng chân đẩy xe máy M đang điều khiển bỏ chạy. Anh N truy hô và đuổi theo nhưng không kịp.

Nhóm của L tẩu thoát đến cầu S, ấp D, xã Đ, huyện H thì dừng lại, M bẻ khóa xe máy biển số 77L1-032.73 rồi cả nhóm điều khiển 02 xe máy tẩu thoát. M đem xe máy của anh N về nhà của M cất giấu để chờ tìm nơi bán. Lược điều khiển xe máy biển số 59Y3-004.14 chở L1 về nhà.

Ngày 26/4/2024, anh N đến Công an xã Đ, huyện H trình báo sự việc. Qua truy xét, Cơ quan điều tra xác định L, L1, M thực hiện hành vi cướp tài sản của anh N nên đã triệu tập đến làm việc và thu hồi được xe máy biển số 77L1-032.73

Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTS ngày 03/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự Ủy ban nhân dân huyện H kết luận giá của xe mô tô biển số 77L1-032.73 là 11.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Xe máy biển số 77L1-032.73, xe do anh Nguyễn Văn H2 đứng tên chủ sở hữu, ngày 25/4/2024, anh H2 cho anh N mượn xe. Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy cho anh H2.

- Xe máy biển số 59Y3-004.14 là phương tiện L dùng vào việc phạm tội.

- 02 điện thoại di động gồm: 01 hiệu Samsung Galaxy 15, thu giữ của Bùi Văn Công M, 01 hiệu Nokia 105 màu trắng đen thu giữ của Nguyễn Văn L.

- 01 quần Jean lưng màu đen, 01 áo khoác dài tay màu xám là trang phục Lượm mặc khi phạm tội.

Đối với cây đèn pin có tính năng chích điện, trên đường đi M vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 318/CT-VKSH.HM ngày 18 tháng 11 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Văn Công M và Nguyễn Tấn L1 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn L, Bùi Văn Công M và Nguyễn Tấn L1 về tội “Cướp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Văn L, Bùi Văn Công M mỗi bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L1 từ 07 năm đến 08 năm tù. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, ...”. Do các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên đề nghị không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động gồm: 01 hiệu Samsung Galaxy 15, 01 hiệu N2; Trả lại chị Nguyễn Thị Thùy D máy biển số 59Y3-004.14.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình và nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo cũng đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Khoảng 03 giờ ngày 26/4/2024, tại trước nhà số A Đ, ấp D, xã Đ, huyện H, Nguyễn Văn L, Bùi Văn Công M, Nguyễn Tấn L1 có hành vi dùng vũ lực như: sử dụng đèn pin có chức năng chích điện để dọa không chế, dùng chân đá, dùng tay xô làm anh Nguyễn Văn N1 té ngã không chống trả được để chiếm đoạt xe máy biển số 77L1 -032.73 trị giá 11.000.000đồng. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Bùi Văn Công M và Nguyễn Tấn L1 phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hóc Môn đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra, bản thân các bị cáo vì lười lao động, nảy sinh lòng tham, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động chính đáng nên vẫn cố tình phạm tội. Trong vụ án này bị cáo L là người rủ rê đề xướng, bị cáo M là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L1 với vai trò cảnh giới giúp sức. Tuy nhiên, đây là đồng phạm mang tính chất giản đơn. Vì vậy, cần xem xét vai trò nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần thiết phải xử lý nghiêm minh các bị cáo trước pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, các bị cáo có nhân thân tốt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, ...”. Do các bị cáo không có

công việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

- Xe máy biển số 77L1-032.73, xe do anh Nguyễn Văn H2 đứng tên chủ sở hữu, ngày 25/4/2024, anh H2 cho anh N1 mượn xe. Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy cho anh H2 và bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- Xe máy biển số 59Y3-004.14 là phương tiện L dùng vào việc phạm tội. Xe do anh Phạm Thanh S1 đứng tên chủ sở hữu, anh S1 bị tai nạn giao thông đã tử vong vào ngày 14/6/2023, vợ anh S1 là chị Đỗ Thị L2 bán xe cho anh Huỳnh Thanh P, anh P bán xe cho chị Võ Thị Mỹ L3. Chị L3 bán cho anh Nguyễn Trung H3, anh H3 bán cho Nguyễn Thị Thủy D là vợ của Nguyễn Văn L; Qua điều tra xác minh các hàng thừa kế thứ nhất của anh Phạm Thanh S1 đều thừa nhận xe trên đã bán và không có yêu cầu gì. Chị D mua xe trên từ số tiền mẹ ruột là bà Nguyễn Thị X cho riêng chị. Ngày 26/4/2024, chị D cho L mượn xe để đi chơi với bạn, không biết L sử dụng xe làm phương tiện đi cướp tài sản, nay chị xin được nhận lại xe trên xe này là phương tiện duy nhất để chị làm phương tiện đi lại và đưa đón các con đi học. Do đó, xét trả lại chiếc xe trên cho chị D.

- 02 điện thoại di động gồm: 01 hiệu Samsung Galaxy 15, thu giữ của Bùi Văn Công M, 01 hiệu Nokia 105 màu trắng đen thu giữ của Nguyễn Văn L, M và L liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước hai chiếc điện thoại trên.

- 01 quần Jean lửng màu đen, 01 áo khoác dài tay màu xám là trang phục Lượm mặc khi phạm tội. Do đó, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với cây đèn pin có tính năng chích điện, trên đường đi M vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 09 (Chín) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2024.

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn Công M 09 (C)** năm tù về tội “Cướp tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2024.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn L1 08 (T2)** năm 06 (S2) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2024.

- Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy 01 quần Jean lưng màu đen, 01 áo khoác dài tay màu xám

- Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động gồm: 01 hiệu Samsung Galaxy 15, 01 hiệu Nokia 105

Trả lại chị Nguyễn Thị Thùy D 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu xanh, biển số 59Y3-004.14, số khung RLCUG0610HY438108, số máy G3D4E-458615.

(Tất cả các vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 272/QĐ-VKS-HS ngày 14/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2024).

- Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

- Áp dụng các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TP. HCM;
- Viện kiểm sát ND huyện Hóc Môn
- Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục THA DS huyện Hóc Môn;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Trại giam;
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Đương sự;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: VT, THAHS, hồ sơ.

Trần Đức Lê